

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Trần Ánh Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 204/2022/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/ QĐST - HNGĐ ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1989. Có mặt.

HKTT: Thôn Gh, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu TB, thị trấn XM, huyện CM, thành phố HN

Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

HKTT: Thôn G, xã LS, huyện LS, tỉnh HB

Chỗ ở hiện nay: Đường THT, thị trấn DK, huyện DK, tỉnh KH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và chị Bùi Văn S tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS (nay là xã LS), huyện LS, tỉnh HB vào ngày 23/7/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hay cãi nhau, anh S có người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm với anh S, đề nghị Tòa án giải cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung, con thứ nhất tên Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2011, con thứ hai tên Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 11/02/2015.Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị xin được nuôi cả hai con, chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Nguyễn Thị B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS (nay là xã LS), huyện LS, tỉnh HB. Quá trình chung sống hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Từ năm 2017 hai vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung, con thứ nhất tên Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2011, con thứ hai tên Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 11/02/2015.Được Tòa giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao cả hai con

cho chị B nuôi dưỡng, anh chưa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ba.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

+ Xử cho chị Nguyễn Thị B với anh Bùi Văn S được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2011 và Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 11/02/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B và có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B xin ly hôn anh Bùi Văn S là quan hệ hôn nhân và gia đình. Anh Bùi Văn S hiện có HKTT : Xóm Gh, xã LS, huyện LS, tỉnh HB, anh S đang đi làm ăn ở đường THT, thị trấn DK, huyện DK, tỉnh KH. Tuy nhiên anh Bùi Văn S và chị Nguyễn Thị B đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình là Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa hai anh chị. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Bùi Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Bùi Văn S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS (nay là xã LS), huyện LS, tỉnh HB ngày 23/7/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng hay cãi nhau, anh S có người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm với anh S, đề nghị Tòa án giải cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Anh Bùi Văn S xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị B trình bày là đúng. Anh và chị B sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này của chị Nguyễn Thị B và anh

Bùi Văn S không trái luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Bùi Văn S vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận này của anh chị. Tại phiên tòa chị Bùi Thị B vẫn cương quyết xin ly hôn với anh S. Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Bùi Thị B và anh Bùi Văn S được ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị B và anh S có hai con chung: Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2011 và Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 11/02/2015. Chị B và anh S thỏa thuận, chị B là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con cho đến khi cháu Ng, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này của chị B và anh Bùi Văn S không trái luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Bùi Văn S vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận này của anh chị. Trong biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2022 cháu Ng, cháu V trình bày bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử giao hai cháu Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2011 và Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 11/02/2015 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ng, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị B chưa yêu cầu anh Bùi Văn S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh S có quyền thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở quyền này và việc thay đổi người nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[3.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 53, điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 21/8/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 11/02/2015, đến khi cháu Ng, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi và chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh S có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003570, ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- UBND xã Liên Sơn
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.